TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Lài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tống Văn Tâm;

2. Ông Trần Anh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bồ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên toà số 37/2022/QĐST-HNGD ngày 14 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1972; thường trú: Tổ 2, khu phố K, phường K, thị xã T, tỉnh B; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1970; thường trú: Tổ 2, khu phố K, phường Kh, thị xã T, tỉnh B; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2008, quyển số 01 vào ngày 07/5/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung

sống hạnh phúc, yêu thương chăm sóc nhau nhưng từ năm 2010 giữa bà T và ông M thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng ý kiến, không tôn trọng lẫn nhau. Ông M còn có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm đến vợ con, bỏ mặc bà T một mình lo liệu và nuôi con. Bà T nhận thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 29/11/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 29/10/1993. Khi ly hôn, các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn M.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Thẩm phán xác định quan hệ pháp luật đúng theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; ông Nguyễn Văn M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, khu phố Khánh Vân, phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

vào những tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ để giải quyết vụ án vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên (nay là phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên), tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32/2008, quyển số 01 vào ngày 07/5/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét mâu thuẫn vợ chồng bà T và ông M phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng tự chăm lo cho cuộc sống của bản thân, không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên tình yêu thương, trách nhiệm, nghĩa vụ, sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông M tham gia các buổi hòa giải nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông M vắng mặt. Như vậy, có căn cứ xác định ông M không quan tâm, không có thiện chí mong muốn Tòa án hòa giải mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Do đó, việc bà T yêu cầu ly hôn với ông M là có cơ sở phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 29/11/1989 và Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 29/10/1993. Khi ly hôn, các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 26/01/2022, Ủy ban nhân dân phường Khánh Bình, thị xã Tân Uyên không biết nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới ly hôn giữa bà T và ông M vì không nhận được yêu cầu giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005683 ngày 07/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- UBND phường K, thị xã T, tỉnh B;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Lài